

Biểu số 03

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2020 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	11.877.038	6.650.481	5.226.557	15.609.229	8.426.883	7.182.346	131%	127%	137%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.032.837	5.806.280	5.226.557	12.329.404	5.710.974	6.618.430	112%	98%	127%
I	Chi đầu tư phát triển	2.843.370	2.468.870	374.500	4.357.844	3.200.677	1.157.167	153%	130%	309%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.843.370	2.468.870	374.500	4.357.844	3.200.677	1.157.167	153%	130%	309%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	229.530	109.530	120.000	602.707	196.238	406.469	263%	179%	339%
-	Chi khoa học và công nghệ	6.170	6.170		390	390		6%	6%	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	7.980.926	3.233.553	4.747.373	7.969.201	2.507.938	5.461.263	100%	78%	115%
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.524.672	721.308	2.803.364	3.394.855	557.035	2.837.820	96%	77%	101%
2	Chi khoa học và công nghệ	26.158	22.764	3.394	21.354	18.271	3.083	82%	80%	91%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	500	500		303	303		61%	61%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510	1.510		1.510	1.510		100%	100%	
V	Dự phòng ngân sách	206.531	101.847	104.684						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
VII	Chi viện trợ				546	546				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	249.588	249.588		250.203	42.424	207.779	100%	17%	

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	6.988	6.988		6.988	6.988		100%	100%	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	242.600	242.600		243.215	35.436	207.779	100%	15%	
C	CHI MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	487.613	487.613		154.111	150.155	3.957	32%	31%	
1	Vốn chuẩn bị động viên	13.000	13.000		13.000	13.000		100%	100%	
2	Vốn ngoài nước	26.880	26.880		27.242	27.242		101%	101%	
3	Một số chương trình mục tiêu	40.624	40.624		61.276	60.213	1.063	151%	148%	
4	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	407.109	407.109		52.594	49.700	2.894	13%	12%	
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				24.180	7.137	17.042			
E	CHI VIỆN TRỢ									
F	CHI CHO VAY TỪ NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC				2.000		2.000			
G	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				2.742.331	2.409.193	333.138			
H	CHI TRẢ NỢ GỐC	107.000	107.000		107.000	107.000		100%	100%	